

Bản án số: 186/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 15-06-2026

V/v: "Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- CẦN THƠ

* **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Kiều Trang**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Tạ Quang Trung**.

2. Ông **Nguyễn Thanh Hải**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Trần Võ Tường Vy** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân Khu vực 3- Cần Thơ.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3-Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thanh Tuyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3- Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 807/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 562/2026/QĐST-HN ngày 29/5/2026, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà **Bùi Thị Hồng T**, sinh ngày 02/02/2002.

Địa chỉ: **Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ**.

* **Bị đơn:** Ông **HUANG ZHITAO**, sinh ngày 10/11/1990.

Địa chỉ: **Số A, Tổ H, thôn L, thị trấn H, thành phố N, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc**.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà **Bùi Thị Hồng T trình bày và yêu cầu:**

Vào năm 2023 thông qua mai mối bà và ông **Huang Z** tự nguyện sống chung với nhau, cả hai không có đăng ký kết hôn cũng không có tổ chức lễ cưới. Đến tháng 11/2023 bà cùng ông **Huang Z** sang Trung Quốc chung sống, cuộc sống vô cùng khó khăn. Đến tháng 5/2024 bà bỏ trốn về Việt Nam, vợ chồng ly thân cả hai cũng không liên hệ với nhau từ đó cho đến nay. Nay bà nhận thấy đời sống hôn nhân không có

hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và cũng không thể hàn gắn. Vì vậy, bà yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông **Huang Z**.

Về con chung: Thời gian chung sống vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng thời có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3- Cần Thơ tại phiên tòa thể hiện, những người tiến hành tố tụng, đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, qua xem xét các tài liệu chứng cứ đã thẩm tra, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà **Bùi Thị Hồng T** khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông **Huang Z** cư trú tại nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3- Cần Thơ, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hoà giải, đối thoại tại toà án.

[2] Sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông **Huang Z** đã được Tòa án nhân dân Khu vực 3-Cần Thơ tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp cho Cơ quan có thẩm quyền của Trung Quốc thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý số 167/2025/TB.TLVA ngày 09/10/2025 theo quy định tại Điều 11 và 13 Luật tương trợ tư pháp và Công ước La Hay năm 1965 về tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự và thương mại được thông qua ngày 15/11/1965 và có hiệu lực kể từ ngày 10/02/1969. Quá trình ủy thác tư pháp Tòa án đã nhận được công văn số 3599/CH-BTP ngày 08/12/2025 và Công văn số 1373/BTP-PLQT&GQTCĐTQT ngày 15/5/2026 của Bộ Tư Pháp phản hồi về việc đã chuyển hồ sơ ủy thác tư pháp của Tòa án nhân dân Khu vực 3- Cần Thơ, nước **C** tới cơ quan thẩm quyền của **C1** để tổng đạt cho bị đơn ông **Huang Z** cư trú tại Trung

Quốc. Tuy nhiên, đến thời gian mở phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào hòa giải lần thứ nhất Tòa án vẫn chưa nhận được kết quả trả lời về việc ủy thác tư pháp. Phía nguyên đơn bà **Bùi Thị Hồng T** không còn liên hệ cũng như không có địa chỉ nào khác của bị đơn ngoài địa chỉ đã cung cấp. Do đó, bà **T** yêu cầu đăng thông tin xét xử qua kênh Ban đối ngoại (VOV5) dành cho người nước ngoài ba lần trong 03 ngày liên tiếp từ ngày 15, 16, 17/05/2026. Mặc dù đã đến thời gian mở phiên tòa xét xử sơ thẩm lần thứ 02 nhưng bị đơn ông **Huang Z** vẫn vắng mặt không rõ lý do, đồng thời nguyên đơn cũng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt bà. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo Điều 227, 228 Điều 477 của Bộ luật tố tụng Dân sự là có căn cứ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Bùi Thị Hồng T** và ông **Huang Z** tự nguyện tìm hiểu và sống chung vào năm 2023 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi về chung sống thì cả hai phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, bất đồng ngôn ngữ vợ chồng không có tiếng nói chung trong thời gian dài. Bà **Bùi Thị Hồng T** và ông **Huang Z** chẳng những không hàn gắn được tình cảm với nhau mà đã sống ly thân cho đến nay không còn liên hệ nữa. Xét thấy mục đích hôn nhân giữa **Bùi Thị Hồng T** và ông **Huang Z** không đạt được, đời sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nay bà **Bùi Thị Hồng T** khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông **Huang Z** là có cơ sở được chấp nhận theo quy định tại Điều 14 và Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Bà **Bùi Thị Hồng T** xác định thời gian vợ chồng chung sống không có con chung, nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do phía bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và lệ phí ủy thác là 200.000 đồng, nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 153, Điều 227, 228, Điều 474, Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự 2014;

Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Hồng T.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà **Bùi Thị Hồng T** và ông **Huang Z**.

- Về con chung: Không có, không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà **Bùi Thị Hồng T** phải chịu **300.000đ**, được khấu trừ vào 300.000đ đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số **0000679** ngày 26/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, bà **T** đã nộp xong.

3. Về chi phí tố tụng: Bà **Bùi Thị Hồng T** phải **chịu 200.000đ** đồng lệ phí ủy thác tư pháp nhưng được khấu trừ vào 200.000đ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số **0007275** ngày 24/10/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, bà **T** đã nộp xong.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 30 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

*** Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND KV3-CT;
- THADS TPCT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kiều T1

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Tạ Quang Trung Nguyễn Thanh H

Trần Thị Kiều T1

*** Nơi nhận:**

- Đường sự;
- VKSND KV3-CT;
- THADS TPCT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**Trần Thị Kiều Trang
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 08 giờ 30 phút, ngày 09 tháng 4 năm 2025

Tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Phước Đại

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Hiền Trúc Lan

Bà Lê Thị Thúy Phượng

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 124/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024 về “tranh chấp ly hôn” giữa:

* Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Tuyết**, sinh ngày 01/01/1982.

Địa chỉ: Số 53, ấp Nhơn Thuận 2, xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

* Bị đơn: Ông **XIAO ZHANGJIN**, sinh ngày 29/4/1977.

Địa chỉ: Số 147 Thôn Hàm Xuân, thị trấn Hạ Dương, huyện Vĩnh Xuân, thành phố Tuyên Châu, tỉnh Phúc Kiến (Trung Quốc).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 153, Điều 227, khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị Tuyết**.

- Về hôn nhân: cho bà Trần Thị Tuyết được ly hôn với ông Xiao Zhangjin.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Tuyết trình bày không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm: bà Trần Thị Tuyết phải chịu 300.000đ, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000452 ngày 11/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, bà Trần Thị Tuyết đã nộp đủ án phí.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Trần Thị Tuyết phải chịu 200.000đ tiền lệ phí ủy thác tư pháp nhưng được khấu trừ vào 200.000đ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0000507 ngày 04/7/2024 của Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bà Trần Thị Tuyết đã nộp đủ chi phí tố tụng.

4. *Về quyền kháng cáo*: Bà Trần Thị Tuyết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, ông Xiao Zhangjin được quyền kháng cáo trong hạn 30 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%)

Nghị án kết thúc vào hồi 08 giờ 45 phút, ngày 09 tháng 4 năm 2025.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Phượng - Dương Hiền Trúc Lan Lương Phước Đại